TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1230/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 277/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 649/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông Vũ Trường C, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số S đường D, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Vũ Trường C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số S2 quyển số 01/P.17 do Ủy ban nhân dân Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1994. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc cho đến

khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do ông bận công việc thường xuyên vắng nhà, không giành nhiều thời gian chăm lo cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không được giải quyết nên dần trở nên trầm trọng, từ năm 2010 thì vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung là Vũ Quỳnh G, sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Vũ Quỳnh Mai L, sinh ngày 27/3/2002 hiện nay đều đang sống chung với bà D tại Hoa Kỳ. Ông đồng ý giao con chung chưa thành niên là trẻ Vũ Quỳnh Mai L cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng: Ông và bà D tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai lập ngày 08/7/2017 (đã được Lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại New York hợp pháp hóa lãnh sự ngày 20/7/2017), bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Vũ Trường C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là ông C thường xuyên vắng nhà, đã nhiều lần bà đề nghị ông C sắp xếp công việc để có thời gian giành cho gia đình nhưng không có kết quả. Hai người sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Ngày 12/4/2017, bà cùng 02 con xuất cảnh sang Hoa Kỳ theo diện bảo lãnh. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Trường C để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông Vũ Trường C có 02 con chung là Vũ Quỳnh G, sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Vũ Quỳnh Mai L, sinh ngày 27/3/2002 hiện nay đều đang sống chung với bà tại Hoa Kỳ. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị D hiện đang định

cư tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên và bị đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị D hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và giấy chứng nhận kết hôn số S2 quyển số 01/P.17 do Ủy ban nhân dân Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1994, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa ông Vũ Trường C với bà Nguyễn Thị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên và bị đơn thì cuộc sống hôn nhân giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005, vì công việc bận rộn ông C không giành thời gian cho gia đình, vợ chồng không tìm ra phương án để giải quyết vấn đề này. Mâu thuẫn kéo dài, hai người đã tự ý sống ly thân từ năm 2010, bà D đã cùng các con chung xuất cảnh sang Hoa Kỳ định cư. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể cùng nhau chung sống, xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D đồng ý ly hôn với ông Vũ Trường C.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại mâu thuẫn giữa nguyên và bị đơn đã ở mức độ trầm trọng, cuộc sống hôn nhân có dấu hiệu đổ vỡ. Xuất phát từ yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho ông Vũ Trường C được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Ông Vũ Trường C và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung là Vũ Quỳnh G, sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Vũ Quỳnh Mai L, sinh ngày 27/3/2002. Các đương sự thống nhất giao con chung chưa thành niên là Vũ Quỳnh Mai L cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Trường C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 121 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Trường C:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Vũ Trường C được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số S2 quyển số 01/P.17 do Ủy ban nhân dân Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1994 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Vũ Quỳnh Mai L, giới tính: Nữ, sinh ngày 27/3/2002 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Trường C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0034359 ngày 07/6/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông C đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường P1, quận Q1, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thanh Mai	**Phan Thị Nghĩa**	**Nguyễn Văn Tuấn**